

Bản án số: **61/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-8-2019.
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Văn Dũng**

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 483/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm A**, sinh năm 1976. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Số nhà S, tổ 4, ấp TC, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Anh **Vũ B**, sinh năm 1972. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Số nhà S, tổ 4, ấp TC, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm A trình bày:

Chị và anh Vũ B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh B thường xuyên uống rượu say, mắng chửi vợ con, anh chị không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 người con tên Vũ C, sinh năm 1994, Vũ D, sinh năm 1996 và Vũ E, sinh năm 2000. Tất cả các con của anh chị đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không yêu cầu giải quyết vấn đề người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ B trình bày: Anh không đồng ý ly hôn; nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A thì: Về con chung, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi bản thân; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm A và anh Vũ B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 121, Quyền số 01/2006, ngày 11-8-2006, của Ủy ban nhân dân xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị A – anh B đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Phạm A và anh Vũ B là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị A cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc là do anh B thường xuyên uống rượu say và mắng chửi vợ con. Anh B không đồng ý ly hôn. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh B để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh tự ý bỏ về. Cho thấy, anh B không mong muốn vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn để duy trì cuộc sống chung. Chứng tỏ, hôn nhân của chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị A và anh B có 03 người con tên: Vũ C, sinh năm 1994, Vũ D, sinh năm 1996 và Vũ E, sinh năm 2000. Hiện nay, các con của anh chị đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi con.

[5] *Về tài sản chung:* Chị A và anh B không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị A và anh B trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Phạm A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm A và anh Vũ B.

2. Về con chung: Chị A và anh B có 03 người con tên: Vũ C, sinh năm 1994, Vũ D, sinh năm 1996 và Vũ E, sinh năm 2000, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Phạm A nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị A nộp theo Biên lai thu tiền số: **0003145** ngày **18-7-2019**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm A và anh Vũ B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng